

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2024
Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc
thẩm quyền của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

(Tiếp theo Công báo số 125+126)

40. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình (QT40):

1	Mục đích: Quy định chi tiết trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội đảm bảo các cán bộ, công chức giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.
3	Nội dung quy trình:
3.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Thủ đô số 25/2012/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; - Nghị định: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

	- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi Nghị định 27/2019/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Các Thông tư: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 06/2013/TTBXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng; số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các thông tư hướng dẫn chuyên ngành có liên quan khác. - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 37/2017/QĐ -UBND ngày 21/11/2017, Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023, Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ:	Bản chính	Bản sao
	- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.	x	

	- Văn bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung nhiệm vụ quy hoạch của Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (Kèm các văn bản có liên quan việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư)	x	
	- Bản vẽ in màu theo đúng tỷ lệ.	x	
	- Thuyết minh nội dung đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.	x	
	- Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;	x	
	- Các văn bản pháp lý có liên quan (kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định); hồ sơ pháp nhân, năng lực của tổ chức tư vấn thiết kế, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì, thiết kế;		x
	- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 hoặc bản đồ hiện trạng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định) do cơ quan quản lý nhà nước về bản đồ cấp hoặc do cơ quan chuyên môn khảo sát, đo đạc lập, đảm bảo yêu cầu về chất lượng và kỹ thuật theo quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.		x
	Số lượng hồ sơ		
	02 bộ hồ sơ (kèm file mềm (đĩa CD, DVD hoặc USB) có lưu các file bản vẽ theo định dạng AutoCad; các tài liệu khác theo định dạng pdf, jpg, doc, xls...).		
3.3	Thời gian xử lý: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		

3.4	Nơi tiếp nhận: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.		
3.5	Lệ phí: Thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các quy định hiện hành khác có liên quan.		
	Quy trình xử lý công việc:		
3.6	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	Tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa	0,5 ngày
3.7	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng tiếp nhận hồ sơ: Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng	0,5 ngày
TT	Thụ lý thẩm định hồ sơ theo các quy định pháp luật:		Kết quả/Sản phẩm
Bước 1	B.1 (Trường hợp 1). Hồ sơ chưa đủ điều kiện thẩm định theo quy định: - Dự thảo văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do bổ sung hồ sơ	Chuyên viên	2,5 ngày - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả

	hoặc từ chối thẩm định.			hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ
Bước 2	- Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy.	Trưởng phòng	0,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ
Bước 3	- Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản trả lời.	Lãnh đạo Ban	1 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ
	- Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa	Chuyên viên	0,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ
	<u>B.2 (Trường hợp 2).</u> Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định:			
	- Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản gửi Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các	Chuyên viên	4 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ

	Sở, ngành, địa phương có liên quan để lấy ý kiến về nội dung liên quan đến hồ sơ.			sơ. - văn bản xin ý kiến
	- Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy.	Trưởng phòng	0,5 ngày	
	- Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản lấy ý kiến.	Lãnh đạo Ban	1 ngày	
	- Gửi văn bản kèm hồ sơ tới các cơ quan, tổ chức có liên quan	Chuyên viên	0,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Văn bản đề nghị cho ý kiến về hồ sơ dự án gửi các cơ quan, tổ chức có liên quan.
	Sau khi có ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, tiến hành thực hiện		7 ngày	
	<u>a</u> : Ý kiến của các cơ quan, tổ chức đề nghị đơn vị bổ sung, chỉnh sửa hoặc cần làm rõ: Quay lại bước B.1 (trường hợp 1)			
	<u>b</u> : Ý kiến của các cơ quan, tổ chức thống nhất với hồ sơ của dự án: Tiếp nhận, thẩm định, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức, dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết.	Chuyên viên	8 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ. - Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.
	Trưởng phòng phê duyệt, ký tắt trình Lãnh đạo Ban	Trưởng phòng	0,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ.

				- Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.
	Lãnh đạo Ban tiến hành xem xét, theo thẩm quyền giải quyết. Ký duyệt Quyết định và trả kết quả cho chuyên viên phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng	Lãnh đạo Ban	2 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ. - Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.
	Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ	Chuyên viên	0,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ. - Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết. - Thông báo nộp lệ phí thẩm định.
Bước 4	Biểu mẫu			Không

41. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng (QT41):

1	Mục đích: Quy định chi tiết trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội đảm bảo các cán bộ, công chức giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện và kiểm soát quy trình này.
3	Nội dung quy trình:
3.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Thủ đô số 25/2012/QH13; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; - Nghị định: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian ngầm đô thị; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và

	Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi Nghị định 27/2019/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Các Thông tư: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 06/2013/TTBXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng; số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và các thông tư hướng dẫn chuyên ngành có liên quan khác. - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 37/2017/QĐ -UBND ngày 21/11/2017, Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023, Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ:	Bản chính	Bản sao
	- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trong đó có tóm tắt nội dung đầu tư quy mô xây dựng, tính chất	x	

	công trình, nhu cầu sử dụng đất và nhu cầu sử dụng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phương án xây dựng.		
	- Bản đồ hiện trạng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định) tỷ lệ 1/500 hoặc tỷ lệ 1/200 theo hệ toạ độ VN2000 do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện, phù hợp với thực tế (trường hợp không phù hợp thì phải hiệu chỉnh bản đồ theo quy định), khu đất không tranh chấp, có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường. Đối với khu đất đang quản lý, sử dụng không có giấy tờ sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ phải có xác nhận của chính quyền địa phương về ranh giới, mốc giới.		X
	- Các bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (hoặc 1/200) trên nền bản đồ hiện trạng và chỉ giới đường đỏ, có xác nhận và đóng dấu của chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế, nội dung bản vẽ tổng mặt bằng theo quy định như: các căn cứ pháp lý, các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu đề xuất được thể hiện đầy đủ, chính xác vị trí, quy mô, tính chất, kích thước, điều kiện định vị các hạng mục công trình, các điều kiện hạn chế xây dựng, giải trình các nội dung quan trọng....	X	
	- Đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành: Nhà máy xử lý nước thải, nhà máy cấp nước, trạm biến áp có cấp điện áp $\geq 110\text{KV}$, bến xe buýt, đường sắt đô thị... cần có bản vẽ mặt bằng dây chuyền công nghệ.	X	
	- Các văn bản về chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền; Các văn bản pháp lý có liên quan (kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định)		X
	- Hồ sơ pháp nhân của tổ chức tư vấn, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế		X

	- Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt	x	
	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ hồ sơ (kèm file mềm (đĩa CD, DVD hoặc USB) có lưu các file bản vẽ theo định dạng AutoCad; các tài liệu khác theo định dạng pdf, jpg, doc, xls...)		
3.3	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
3.4	Nơi tiếp nhận: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Chủ đầu tư nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.		
3.5	Lệ phí: Không		
	Quy trình xử lý công việc:		
3.6	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian
	Tiếp nhận hồ sơ, lập Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận Một cửa	0,5 ngày
3.7	Phòng Quản lý Quy hoạch xây dựng tiếp nhận hồ sơ: Trưởng Phòng Quản lý Quy hoạch và xây dựng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa chuyển đến. Trưởng phòng xem xét và phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ	Trưởng phòng	0,5 ngày
TT	Thụ lý thẩm định hồ sơ theo các quy định pháp luật:		Kết quả/ Sản phẩm

Bước 1	<u>B.1 (Trường hợp 1).</u> Hồ sơ chưa đủ điều kiện thẩm định theo quy định: - Dự thảo văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ, nêu rõ lý do bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thẩm định.	Chuyên viên	2,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ
Bước 2	- Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy.	Trưởng phòng	0,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ
Bước 3	- Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản.	Lãnh đạo Ban	1 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ
	- Trả hồ sơ và văn bản trả lời đến bộ phận Một cửa	Chuyên viên	0,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - văn bản trả hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ
	<u>B.2 (Trường hợp 2).</u> Hồ sơ đủ điều kiện thẩm định theo quy định:			
	- Thẩm định hồ sơ, dự	Chuyên	14,5 ngày	- Phiếu kiểm

	thảo văn bản chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng.	viên		soát quá trình giải quyết hồ sơ.
	- Trưởng phòng duyệt dự thảo và ký nháy.	Trưởng phòng	2 ngày	- Tờ trình và Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng và Bản đồ quy hoạch.
	- Lãnh đạo Ban phụ trách duyệt và ký văn bản chấp thuận Quy hoạch và Bản đồ Quy hoạch	Lãnh đạo Ban	2 ngày	
	- Tiếp nhận kết quả, vào sổ theo dõi, bàn giao kết quả cho bộ phận Một cửa và lưu trữ hồ sơ	Chuyên viên	0,5 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Tờ trình và Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng và Bản đồ quy hoạch.
Bước 4	Biểu mẫu			Không

V-LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH

42. Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (QT-42)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của các dự án đầu tư xây dựng trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường trong các Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền thẩm định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (<i>quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020</i>). (<i>Trường hợp các dự án đầu tư khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường lập Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và được thẩm định trong quá trình thẩm định Báo cáo ĐTM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</i>)
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi

	chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 6. Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; 7. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 8. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 9. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 10. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết TTHC về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	1. Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo ĐTM (<i>mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>).	X	
	2. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương;	X	
	3. Báo cáo ĐTM (<i>mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>).	X	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý: Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 50 ngày làm việc, cụ thể như sau: - <i>Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</i> Tối đa là 30 (Ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - <i>Thời hạn phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM:</i> Tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian Chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo ĐTM theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định.</i>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội		
3.6	Phí, Lệ phí: * <i>Phí:</i> Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân		

Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020. <i>Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ</i>						
	Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng
	Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	6.000.000	6.500.000	6.600.000	10.000.000	10.100.000
	Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	7.500.000	8.100.000	8.200.000	12.500.000	12.600.000
	Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ	8.400.000	9.100.000	9.200.000	14.000.000	14.100.000

	thuật					
	Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	8.600.000	9.300.000	9.500.000	14.400.000	14.500.000
	Nhóm 5: Dự án giao thông	9.000.000	9.700.000	9.900.000	15.000.000	15.100.000
	Nhóm 6: Dự án công nghiệp	9.400.000	10.200.000	10.300.000	5.600.000	15.700.000
	Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	6.000.000	6.500.000	6.600.000	10.000.000	10.100.000
	+ Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát thực tế tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và					

	tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định. + Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên, thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất. * Lệ phí: Không.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ → bàn giao Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường (TN&MT). - Văn thư Phòng Quản lý TN&MT trình Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT để phân công cán bộ thụ lý hồ sơ - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT phân công cho cán bộ thụ lý hồ sơ	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý TN&MT - Lãnh đạo Phòng Quản lý TN&MT - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo Mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B2	Kiểm tra hồ sơ:			- Quyết định thành lập

	* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Thẩm định hồ sơ: + Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ kèm theo điều kiện đã thực hiện tham vấn thông qua đăng tải trên Cổng thông tin điện tử (trang Web) của Ban Quản lý theo quy định (trừ các dự án đầu tư thuộc danh mục bí mật Nhà nước). + Báo cáo tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ. + Dự thảo Tờ trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để trình Lãnh đạo Ban ký. + Thông báo thu phí thẩm định. + Văn bản xin ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp dự án	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng - Lãnh đạo Ban	- 3 ngày	Hội đồng thẩm định - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến theo Mẫu số 04b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
--	--	---	-----------------	---

	đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi. * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về Phòng QL TN&MT. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1	- Cán bộ một cửa		- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định đọc nhận xét kèm theo Giấy	Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	

	mời họp;			
B4	- Hội đồng thẩm định nghiên cứu hồ sơ - Đề xuất khảo sát thực tế (nếu cần thiết) trong trường hợp Báo cáo ĐTM của dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất hoặc các dự án có vướng mắc về thủ tục pháp lý liên quan đến địa điểm triển khai dự án.	- Hội đồng thẩm định	- 5 ngày	- Bản nhận xét - Biên bản khảo sát thực tế (nếu có) theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B5	Tổ chức họp Hội đồng Thẩm định Báo cáo ĐTM	- Cán bộ thụ lý. - Hội đồng thẩm định	- 1 ngày	- Giấy mời họp - Biên bản họp Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B6	- Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM kèm Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định và bản nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định gửi Chủ dự án đầu tư (<i>Thời gian Chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ</i>	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh Ban Quản lý.	- 1 ngày	Thông báo kết quả thẩm định theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

	<i>sung Báo cáo ĐTM theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định. Thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ không quá 12 tháng kể từ ngày Chủ dự án đầu tư nhận được Thông báo kết quả thẩm định. Sau thời hạn này, việc thẩm định báo cáo ĐTM được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường)</i>			
B7	Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ sau chỉnh sửa, bổ sung → Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường → cán bộ thụ lý.	- Một cửa Ban Quản lý - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B8	Kiểm tra hồ sơ: * Báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa, bổ sung	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo	- 15 ngày	- Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án theo

<u>đạt yêu cầu</u> + Văn bản đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định <i>(đối với các Dự án đầu tư có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi)</i> - Cán bộ thụ lý dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường và Lãnh đạo Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý chuyển Văn thư Ban Quản lý lấy số phát hành Tờ trình và chuyển hồ sơ đến Một cửa Ban Quản lý để chuyển hồ sơ trình Một cửa Ủy ban nhân dân thành phố * Trường hợp Báo cáo ĐTM bổ sung, chỉnh sửa <u>không đạt</u>	Phòng - Lãnh đạo Ban - Cán bộ thụ lý và cán bộ Một cửa Ban Quản lý, cán bộ Một cửa Ủy ban nhân dân thành phố		mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Mẫu văn bản đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý nhà nước về việc phê duyệt kết quả thẩm định theo mẫu số 04c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
--	---	--	---

	yêu cầu: dự thảo văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết và nêu rõ lý do trình Lãnh đạo Phòng QL TN&MT, Lãnh đạo Ban Quản lý			
B9	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo ĐTM	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	- 20 ngày	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM
B10	Nhận kết quả từ Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và trả kết quả	- Một cửa Ban Quản lý	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo ĐTM thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. 2. Mẫu Cấu trúc và nội dung cụ thể của báo cáo ĐTM theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. 3. Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. 4. Mẫu Văn bản của cơ quan thẩm định Báo cáo ĐTM lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi theo Mẫu số 4b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài			

	nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. 5. Mẫu Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM theo Mẫu số 4c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. 6. Mẫu Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 7. Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. 8. Mẫu Thông báo kết quả thẩm định theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 9. Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
--	--

43. Thủ tục Cấp giấy phép môi trường (QT-43)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: - Dự án đầu tư nhóm II quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Dự án đầu tư nhóm III quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên nằm trong các Khu công nghiệp; có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức; - Dự án đầu tư, cơ sở sản xuất nằm trong các Khu công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên. - Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 nằm trong các Khu công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và

	Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>);	x	
	2. Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: <i>mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II: <i>mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ</i>;	x	
	3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực		x

	hiện đánh giá tác động môi trường).		
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý: Trường hợp 1. Tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây: a) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; b) Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp 2. Đối với các trường hợp còn lại: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội		
3.6	Phí, Lệ phí: Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể: - Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng.		

	- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
<u>3.7.1.Trường hợp 1: 15 ngày giải quyết</u>				
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản lý kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (nộp qua dịch vụ công mức 4) chuyển Văn thư Phòng Tài nguyên và Môi trường để trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phân công xử lý hồ sơ - Lãnh đạo phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: <i>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</i>	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và	- 3 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Quyết định thành lập Tổ

	- Thông báo nộp phí thẩm định - Thành lập Tổ thẩm định - Văn bản xin ý kiến các đơn vị có liên quan - Đăng tải nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường lên Trang thông tin điện tử của Ban * Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1	Môi trường /Ban Quản lý - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý		thẩm định - Văn bản xin ý kiến - Báo cáo đề xuất được đăng tải lên Trang thông tin điện tử Ban - Thông báo bổ sung hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định	- Tổ thẩm định - Cán bộ thụ lý/Lãnh đạo	- 4 ngày	- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ

	- Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Họp thẩm định - Tổng hợp, thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định.	phòng/Lãnh đạo Ban		thẩm định - Biên bản họp thẩm định - Văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở và chuyển về Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường - Chủ dự án, cơ sở - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án, cơ sở
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 2 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 2 ngày	Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo trả hồ sơ

		- Lãnh đạo Ban Quản lý		
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải nội dung Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý

3.7.2. Trường hợp 2: 30 ngày giải quyết

B1	- Bộ phận Một cửa của Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Văn thư Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:	- Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin	- 3 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các

	- Thông báo nộp phí thẩm định; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý; - Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. <i>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</i> <i>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc</i>	của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý		cơ quan có liên quan - Báo cáo đề xuất nội dung cấp phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra
--	---	--	--	---

<i>trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</i> <i>+ Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</i> <i>+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.</i> <i>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</i> <i>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt.</i> <i>- Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</i> <i>- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về</i>			- Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
--	--	--	---

	phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1			
B3	- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế. - Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở. - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra theo quy định. - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự	- Cán bộ thụ lý - Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 1 ngày - 6 ngày - 3 ngày - 1 ngày - 3 ngày	- Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản họp, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.

	án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. <i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i>			
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường để tiếp tục xử lý hồ sơ	- Cán bộ Một cửa - Văn thư quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 4 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo	- 5 ngày	Tờ trình + Giấy phép môi trường/Văn bản thông báo trả hồ sơ

		Ban Quản lý		
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải nội dung Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm (mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 3. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 4. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số			

	08/2022/NĐ-CP); 5. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 6. Mẫu Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
--	---

44. Thủ tục Cấp đổi giấy phép môi trường (QT-44)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường khi thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa

	đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu văn bản quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>).	x	
	2. Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.		x

3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý:			
	Tối đa 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4			
3.6	Phí, Lệ phí:			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua dịch vụ công mức 4) → chuyển Văn thư Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường để Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phân công xử lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi

B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ: Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xem xét. * Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. + Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. + Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý -Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 5 ngày	- Dự thảo Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp đổi giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 2 ngày	Tờ trình + Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo

				trả hồ sơ
B4	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải nội dung Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			

45. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (QT-45)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở) như sau: - Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải; - Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải; - Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; - Các thay đổi khác.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc

quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;

7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân

	thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>);	x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4		
3.6	Phí, Lệ phí:		
	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể: - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 6.850.000 đồng. - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các		

	yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua dịch vụ công mức 4) → chuyển Văn thư Phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường để phân công xử lý hồ sơ - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: <i>* Trường hợp 1: Hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ:</i> - Thông báo nộp phí thẩm định - Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xem xét	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Chủ dự án, cơ sở	- 9 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Dự thảo Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ

	* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. + Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. + Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1			- Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp điều chỉnh giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý -Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 3 ngày	Tờ trình + Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo trả hồ sơ
B4	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải nội dung Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên Cổng thông tin	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường

	điện tử của Ban Quản lý	công nghệ thông tin của Ban Quản lý		trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. 2. Mẫu Giấy phép môi trường điều chỉnh theo mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT			

46. Thủ tục Cấp lại giấy phép môi trường (QT-46)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường khi thuộc các trường hợp sau: a - Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; b - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; c - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung); d - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước

	khí thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết

	thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 9. Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>);	x	
	2. Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.	x	
	3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	- Trường hợp 1: Tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm a và điểm c tại Mục 2.		

	Phạm vi; - Trường hợp 2: Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi, - Trường hợp 3: Tối đa 15 ngày (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi, dự án thuộc các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022). <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội
3.6	Phí, Lệ phí: Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể: - Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh,

	dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
3.7.1. Trường hợp 1: 20 ngày giải quyết				
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: - Thông báo nộp phí thẩm định; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Công khai nội dung báo	- Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo	- 2 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Báo cáo đề

	cáo đề xuất cấp phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý; - Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra + <i>Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</i> + <i>Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</i> + <i>Đối với dự án đầu tư</i>	phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý		xuất nội dung cấp phép môi trường được đăng tải trên Công thông tin điện tử Sở - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra
--	--	---	--	---

<i>không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</i> <i>+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.</i> <i>* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</i> Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. + Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. + Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở			- Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
---	--	--	---

	+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1			
B3	- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế. - Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở. - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra theo quy định. - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.	- Cán bộ thụ lý - Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 1 ngày - 3 ngày - 1 ngày - 1 ngày - 2 ngày	- Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản họp, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.

	<i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i>			
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường để tiếp tục xử lý hồ sơ	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 3 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 3 ngày	Tờ trình + Giấy phép môi trường/Văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả	- Cán bộ Một cửa	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý

	- Đăng tải Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý	- Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý		công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý
3.7.2. Trường hợp 2: 30 ngày giải quyết				
B1	- Bộ phận một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường để trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phân công xử lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B3	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: - Thông báo nộp phí thẩm định; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi	- Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý	- 3 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Báo cáo đề xuất nội dung cấp phép môi

	trường lên Web của Ban Quản lý; - Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra + <i>Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</i> + <i>Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</i> + <i>Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải</i>	- Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý		trường được đăng tải trên Công thông tin điện tử Sở - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra
--	--	--	--	--

thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế. * Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. + Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. + Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường			- Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
---	--	--	---

	hợp 1			
B4	- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế. - Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở. - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra theo quy định. - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. (Lưu ý: Không yêu cầu chủ	- Cán bộ thụ lý - Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra. - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường. - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 1 ngày - 6 ngày - 3 ngày - 1 ngày - 3 ngày	- Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản họp, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.

	<i>dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i>			
B5	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường để tiếp tục xử lý hồ sơ	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B6	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 4 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 5 ngày	Tờ trình + Giấy phép môi trường /Văn bản thông báo trả hồ sơ
B8	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề

	Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý	phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý		xuất và giấy phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý
3.7.3. Trường hợp 3: 15 ngày giải quyết				
B1	- Bộ phận một cửa Ban Quản lý kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (nộp qua dịch vụ công mức 4) chuyển Văn thư Phòng Tài nguyên và Môi trường để trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phân công xử lý hồ sơ - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: <i>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</i> - Thông báo nộp phí thẩm định - Thành lập Tổ thẩm định - Văn bản xin ý kiến các đơn vị có liên quan	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường /Ban Quản lý - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin	- 3 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Văn bản xin ý kiến

	- Đăng tải nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường lên Trang thông tin điện tử của Ban * Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1	của Ban Quản lý		- Báo cáo đề xuất được đăng tải lên Trang thông tin điện tử Ban - Thông báo bổ sung hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Họp thẩm định - Tổng hợp, thông báo bổ	- Tổ thẩm định - Cán bộ thụ lý/Lãnh đạo phòng/Lãnh đạo Ban	- 4 ngày	- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Biên bản họp thẩm định - Văn bản yêu cầu hoàn thiện

	sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định.			hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở và chuyển về Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Chủ dự án, cơ sở - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án, cơ sở
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 2 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 2 ngày	Giấy phép môi trường/Văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển kết quả đến Một	- Cán bộ Một	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý

	cửa để trả kết quả - Đăng tải nội dung Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý	cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý		công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 3. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 4. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); 5. Mẫu Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			

B. NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**47. Thủ tục Cấp giấy phép môi trường (QT-47)**

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường cấp huyện của các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: - Dự án đầu tư nhóm III trong các Khu công nghiệp có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức; - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các Khu công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ

	Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 9. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân các quận/huyện về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận/huyện.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);	x	

	- 01 Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i> + Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II: <i>mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i> + Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</i> + Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</i>	x	
	2. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	Trường hợp 1. Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:		

	a) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; b) Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp 2. Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội
3.6	Phí, Lệ phí: Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 7.200.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng.

3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
<u>3.7.1. Trường hợp 1: 15 ngày giải quyết</u>				
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua dịch vụ công mức 4) → trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Thành lập Tổ thẩm định - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý - Xin ý kiến của các đơn vị có liên quan - Thông báo nộp phí thẩm định * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường /Ban Quản lý	- 3 ngày	- Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến - Thông báo bỏ

	Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1			sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Tổ chức họp thẩm định - Tổng hợp, thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định.	- Tổ thẩm định	- 5 ngày	- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Biên bản họp thẩm định - Văn bản thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định.
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án	- Cán bộ Một cửa	- 0,5 ngày	Kèm văn bản giải trình nội

	và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ	- Cán bộ thụ lý		dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 1,5 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 2 ngày	- Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý
3.7.2. Trường hợp 2: 30 ngày giải quyết				
B1	- Bộ phận một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định.

	giao việc cho cán bộ thụ lý	- Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý		- Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Thông báo nộp phí thẩm định - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: + Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế. * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện	- Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 3 ngày	- Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường được công khai lên trang Web của Ban Quản lý - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra - Thông báo bổ

	hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1			sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế. - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra thẩm định, nghiên cứu hồ sơ. - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	- 2 ngày - 8 ngày - 4 ngày - 1 ngày - 5 ngày	- Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, biên bản họp thẩm định, biên bản khảo sát theo quy định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu

	cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. <i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i>			quy định.
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 1,5 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 2 ngày	- Giấy phép môi trường /Văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề xuất và giấy

		nghệ thông tin của Ban Quản lý		phép môi trường được đăng tải trên trang Web của Ban Quản lý
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). 2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). 3. Mẫu Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			

48. Thủ tục Cấp đổi giấy phép môi trường (QT-48)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp đổi giấy phép môi trường cấp huyện của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở nhóm III trong các Khu công nghiệp đã được cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường khi thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa

	đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 9. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân các quận/huyện về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận/huyện.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>).	x	
	2. Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý:			
	Tối đa 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4			
3.6	Phí, Lệ phí:			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua dịch vụ công mức 4) → chuyển Phòng Quản lý nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng quản lý nguyên và Môi trường phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Phòng Quản lý nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý nguyên và Môi trường	- 5 ngày	Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường

	Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng Quản lý nguyên và Môi trường xem xét * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ đề tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý nguyên và Môi trường phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1	trường		- Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp đổi giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 2 ngày	- Giấy phép môi trường/ văn bản thông báo trả hồ sơ

B4	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			

49. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (QT-49)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cấp huyện của các dự án đầu tư, cơ sở trong các Khu công nghiệp đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở nhóm III trong các Khu công nghiệp cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở) như sau: - Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải; - Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải; - Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; - Các thay đổi khác.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;
7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
9. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân các quận/huyện về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công

	nghịệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận/huyện.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>);	x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4		
3.6	Phí, Lệ phí:		
	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể: - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 3.300.000 đồng. - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không		

	thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua dịch vụ công mức 4) → chuyển Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Thông báo nộp phí thẩm định - Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xem xét * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 9 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường - Thông báo bổ sung hồ sơ

	chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1			- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp điều chỉnh giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 3 ngày	- Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/ văn bản thông báo trả hồ sơ
B4	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải Báo cáo đề xuất	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc

	và giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý	chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý		- Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải trên trang Web của Ban Quản lý
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			

50. Thủ tục Cấp lại giấy phép môi trường (QT-50)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường cấp huyện của các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường khi thuộc các trường hợp sau: a- Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; b- Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; c- Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung); d- Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020; 7. Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 8. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân

	thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; 9. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân các quận/huyện về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân quận/huyện.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>);	x	
	2. Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II: <i>mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ</i>;	x	

	3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý: - Trường hợp 1: Tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm a và điểm c tại Mục 2. Phạm vi; - Trường hợp 2: Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi, - Trường hợp 3: Tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi, dự án thuộc các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022). <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội		

3.6	Phí, Lệ phí:			
	Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 7.200.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải/Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
<u>3.7.1. Trường hợp 1: 20 ngày giải quyết</u>				
B1	- Bộ phận Một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.

		- Cán bộ thụ lý		- Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý; - Thông báo nộp phí thẩm định - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: + Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế. * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo	- Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 2 ngày	- Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường được công khai lên trang Web của Ban Quản lý - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã

	phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1			chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế. - Tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, Tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế đối với dự án đầu tư, cơ sở. - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường /Ban Quản lý - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	- 1 ngày - 2 ngày - 1 ngày - 1 ngày - 3 ngày	- Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, họp thẩm định, khảo sát theo quy định của

	hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. <i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i>			Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 3 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 3 ngày	- Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục

				<i>ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/Văn bản thông báo trả hồ sơ</i>
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin Ban Quản lý	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý
<u>3.7.2. Trường hợp 1: 30 ngày giải quyết</u>				
B1	- Bộ phận một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi

B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý; - Thông báo nộp phí thẩm định - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: + Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế. * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.	- Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 3 ngày	- Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường được công khai lên trang Web của Ban Quản lý - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở
----	---	---	----------	--

	- Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1			- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế. - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra thẩm định, nghiên cứu hồ sơ - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. - Tổ chức họp thẩm định/kiểm tra - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường /Ủy ban nhân dân cấp huyện - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra	- 1 ngày - 6 ngày - 2 ngày - 1 ngày - 4 ngày	- Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, họp thẩm định, khảo sát theo quy định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.

	cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. <i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i>			
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 4 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 5 ngày	- Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/Văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí	- Cán bộ Một cửa	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý

	thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý	- Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin Ban Quản lý		công việc - Phí thẩm định hồ sơ - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải lên trang Web của Ban Quản lý
3.7.3. Trường hợp 3: 15 ngày giải quyết				
B1	- Bộ phận một cửa Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ (nộp qua dịch vụ công mức 4) → Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường giao việc cho cán bộ thụ lý	- Cán bộ Một cửa - Văn thư Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Phiếu theo dõi
B2	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Thành lập Tổ thẩm định - Thông báo nộp phí thẩm định * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường /Ban Quản lý	- 3 ngày	- Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Thông báo nộp phí thẩm định - Thông báo bổ sung hồ sơ

	tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1			- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B3	- Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Tổ chức họp thẩm định - Tổng hợp, thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định.	- Tổ thẩm định	- 4 ngày	- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Biên bản họp thẩm định - Văn bản thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định.

B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường xử lý hồ sơ	- Cán bộ Một cửa - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	- 2 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo Ban Quản lý phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo Ban Quản lý	- 2 ngày	- Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/ văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường lên trang Web của Ban Quản lý	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách công nghệ thông tin của Ban Quản lý	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Báo cáo đề xuất và giấy phép môi trường được đăng tải lên trang Web của

				Ban Quản lý
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). 2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). 3. Mẫu Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			